

Số: /TB-ĐT

V/v: Các chứng chỉ ngoại ngữ  
áp dụng đối với bậc SDH

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Kính gửi: Các Khoa trong trường

Nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học các khóa

*Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN ban hành theo QĐ số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/05/2011 và QĐ số 3050/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/09/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN ban hành theo QĐ số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/05/2011 của Giám đốc ĐHQGHN;*

*Căn cứ Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc ĐHQGHN;*

*Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Hướng dẫn số 146/HD-ĐHQGHN ngày 14/01/2013 về “Hướng dẫn tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo sau đại học” của Giám đốc ĐHQGHN;*

*Căn cứ Công văn số 4249/ĐHQGHN-ĐT ngày 28/12/2016 về “Chuẩn đầu ra trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ” của Giám đốc ĐHQGHN;*

*Căn cứ Công văn số 70/ĐHQGHN-ĐT ngày 12/01/2021 về việc “Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ (tiếng Anh) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam” của Đại học Quốc gia Hà Nội;*

*Căn cứ Công văn số 653/ĐHQGHN-ĐT ngày 15/03/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, cập nhật các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế trong Hướng dẫn số 297/HD-ĐHQGHN*

*Căn cứ Công văn số 339/TB-ĐT ngày 08/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ về các chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng đối với học viên cao học;*

*Căn cứ Công văn số 181/TB-ĐT ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ về các chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng đối với nghiên cứu sinh từ khóa QH-2017 trở về trước;*

*Căn cứ Công văn số 691/TB-QLCL ngày 08/05/2020 về “Danh sách các đơn vị tổ chức thi, và cấp chứng chỉ” của Bộ Giáo dục & Đào tạo;*

Phòng Đào tạo (P.ĐT) kính gửi đến các Khoa trong trường, học viên cao học và NCS các khóa điều kiện về chuẩn đầu ra đối với chứng chỉ ngoại ngữ được cập nhật, bổ sung để các Khoa, học viên cao học và NCS nắm rõ:

### **1. Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đáp ứng chuẩn đầu ra**

#### **Tiếng Anh:**

<b>Trình độ</b> (theo khung năng lực NNVN)	<b>TOEFL</b>	<b>TOEIC</b> (4 kỹ năng)	<b>Cambridge Tests (0-230)</b>	<b>IELTS (0-9.0)</b>
Bậc 3	460 ITP 45 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	140 – dưới 160 (PET)	4.5 – 5.0
Bậc 4	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	160 – dưới 180 (FCE)	5.5 – 6.0

**Một số thứ tiếng khác:**

<b>Trình độ</b> (theo khung năng lực NNVN)	<b>Tiếng Nga</b>	<b>Tiếng Pháp</b>	<b>Tiếng Đức</b>	<b>Tiếng Trung</b>	<b>Tiếng Nhật</b>			<b>Tiếng Hàn</b>
					<b>JLPT (0-180)</b>	<b>NAT TEST (0-180)</b>	<b>J-TEST (0-1000)</b>	
Bậc 3	TRKI 1	DELFB1 TCF B1	B1 ZD DSD I	HSK 3 và HSK K trung cấp	JLPT N3	3Q	400	TOPIK II Level 3
Bậc 4	TRKI 2	DELFB2 TCF B2	B2 TestDaF 4 DSD II	HSK 4 và HSK K trung cấp	JLPT N2 (90)	2Q (100)	550	TOPIK II Level 4

- Các điểm số trên là điểm tối thiểu cần đạt được.
- Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đáp ứng chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ được áp dụng từ ngày 01/05/2021

**2. Các đơn vị được cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

<b>STT</b>	<b>TÊN ĐƠN VỊ</b>	<b>THỜI GIAN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ (*)</b>
1	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	15/05/2019
2	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng	15/05/2019
3	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	15/05/2019
4	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	15/05/2019
5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	15/05/2019
6	Trường Đại học Hà Nội	15/05/2019
7	Đại học Thái Nguyên	15/05/2019
8	Trường Đại học Cần Thơ	15/05/2019

STT	TÊN ĐƠN VỊ	THỜI GIAN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ (*)
9	Trường Đại học Vinh	08/05/2020
10	Học viên An ninh nhân dân	08/05/2020

(\*) Thời điểm các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép thi và tổ chức cấp chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Các chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) cấp trước thời điểm cho phép sẽ không được công nhận.

❖ Tất cả các chứng chỉ cần có đủ 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) và mẫu chứng chỉ được cấp theo đúng quy định tại Công văn số 691/TB-QLCL ngày 08/05/2020 của Bộ Giáo dục & Đào tạo (Mẫu chứng chỉ được đính kèm trong thông báo).

## 2. Những lưu ý

*Các chứng chỉ ngoại ngữ của học viên cao học có ngày thi trước ngày 01/05/2021 áp dụng theo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ quốc tế tương ứng với yêu cầu chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ được quy định tại công văn số 339/TB-ĐT ngày 08/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ.*

*Các chứng chỉ ngoại ngữ của NCS có ngày thi trước ngày 01/05/2021 áp dụng theo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ quốc tế tương ứng với yêu cầu chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ được quy định tại công văn số 181/TB-ĐT ngày 26/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ về các chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng đối với nghiên cứu sinh từ khóa QH-2017 trở về trước*

Những học viên cao học, NCS có bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài và được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài được xem như đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Các Khoa thông báo tới từng giảng viên, học viên và NCS để mọi giảng viên, học viên và NCS đều nắm được đầy đủ thông tin.

Nếu có vấn đề gì cần giải đáp đề nghị liên hệ trực tiếp với chuyên viên Nguyễn Khánh Ly – P.ĐT (☎ 024.37547810, ✉ [lynk@vnu.edu.vn](mailto:lynk@vnu.edu.vn)), chuyên viên Chu Thị Khánh Huyền (☎ 024.37547865, ✉ [ctkhuyen@vnu.edu.vn](mailto:ctkhuyen@vnu.edu.vn)).

Trân trọng thông báo./.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT, CH.7.

**Nguyễn Phương Thái**

MẪU CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ  
6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM  
Mặt trước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ  
NGOẠI NGỮ

18 cm

26 cm

A small, handwritten mark or signature is located in the bottom right corner of the page.

Mặt sau

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM <u>Independence – Freedom – Happiness</u>		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>	
<b>CERTIFICATE OF PROFICIENCY</b>		<b>CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ</b>	
IN: .....(1) Level:.....(2) ..... (3)		Ngôn ngữ: .....(1) Bậc:..... (2) ..... (3)	
<b>This is to certify that</b>		<b>Cấp cho</b>	
Full name	.....(4).....	Họ và tên	.....(4).....
Date of birth	.....(5).....	Ngày sinh	.....(5).....
Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6 - level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam		Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	
Date of Exam	.....(6).....	Ngày thi	.....(6).....
Overall Score	.....(7).....:	Điểm thi	.....(7).....
Listening: .....(8).....	Reading: .....(8).....	Nghe: .....(8).....	Đọc: .....(8).....
Speaking: .....(8).....	Writing: .....(8).....	Nói: .....(8).....	Viết: .....(8).....
.....(9).....		(9)....., ngày .....tháng .....năm..... (Ký, đóng dấu) ....(10)....	
Decision number: .....(11).....	Số Quyết định	.....(11).....	
Certificate number .....(12).....	Số hiệu	.....(12).....	
Reference number: ..(13).....	Số vào sổ cấp chứng chỉ	.....(13).....	

18cm

26 cm